

Số: /QĐ-SYT

Kon Tum, ngày tháng năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

ban hành Quy định công nhận phạm vi ảnh hưởng, hiệu quả áp dụng của đề tài nghiên cứu khoa học trong ngành Y tế tỉnh Kon Tum, làm căn cứ xét, tặng danh hiệu thi đua các cấp và khen thưởng hoặc đề nghị cấp trên khen thưởng

GIÁM ĐỐC SỞ Y TẾ TỈNH KON TUM

Căn cứ Quyết định số 06/QĐ-UB ngày 01 tháng 11 năm 1991 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum về việc thành lập Sở Y tế;

Căn cứ Quyết định số 24/2022/QĐ-UBND ngày 04 tháng 7 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Y tế tỉnh Kon Tum;

Căn cứ Luật khoa học và công nghệ ngày 18 tháng 6 năm 2013;

Căn cứ Luật Thi đua, khen thưởng ngày 26 tháng 11 năm 2003; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng ngày 14 tháng 6 năm 2005 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng ngày 16 tháng 11 năm 2013;;

Căn cứ Nghị định số 08/2014/NĐ-CP ngày 27 tháng 01 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật khoa học và công nghệ;

Căn cứ Nghị định số 91/2017/NĐ-CP ngày 31 tháng 7 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng;

Căn cứ Thông tư số 08/2017/TT-BNV ngày 27 tháng 10 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định số 91/2017/NĐ-CP ngày 31/7/2017 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng;

Căn cứ Thông tư số 38/2018/TT-BYT ngày 30 tháng 11 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Y tế về hướng dẫn công tác thi đua khen thưởng trong ngành Y tế;

Căn cứ Quyết định số 23/2018/QĐ-UBND ngày 31 tháng 7 năm 2018 của UBND tỉnh Kon Tum ban hành Quy định quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh, cấp cơ sở sử dụng ngân sách nhà nước tỉnh Kon Tum;

Xét đề nghị của Trưởng phòng Nghiệp vụ Y Dược Sở Y tế,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo quyết định này Quy định công nhận phạm vi ảnh hưởng, hiệu quả áp dụng của đề tài nghiên cứu khoa học trong ngành Y tế tỉnh Kon Tum, làm căn cứ xét, tặng danh hiệu thi đua các cấp và khen thưởng hoặc đề nghị cấp trên khen thưởng.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành. Bãi bỏ Quyết định số 635/QĐ-SYT ngày 04/12/2018 của Giám đốc Sở Y tế về ban hành Quy định việc công nhận phạm vi ảnh hưởng, hiệu quả áp dụng của đề tài nghiên cứu khoa học trong ngành Y tế, làm căn cứ xét, tặng danh hiệu thi đua các cấp và khen thưởng hoặc đề nghị cấp trên khen thưởng; Quyết định số 779/QĐ-SYT ngày 07/12/2020 của Giám đốc Sở Y tế về điều chỉnh, bổ sung Quy định việc công nhận phạm vi ảnh hưởng, hiệu quả áp dụng của đề tài nghiên cứu khoa học trong ngành Y tế.

Điều 3. Trưởng các tổ chức tham mưu tổng hợp và chuyên môn, nghiệp vụ thuộc Sở Y tế, Thủ trưởng các đơn vị trực thuộc Sở Y tế và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ Y tế (Cục KHCN&ĐT);
- Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Sở Khoa học và Công nghệ;
- Sở Nội vụ;
- Lãnh đạo Sở Y tế;
- Công đoàn ngành Y tế;
- Đoàn cơ sở Sở Y tế;
- Các Hội: Y Dược học, Đông y, Điều dưỡng, Dược liệu tỉnh;
- Trang Thông tin điện tử Sở Y tế;
- Lưu: VT, NVYD.

GIÁM ĐỐC**Võ Văn Thanh**

QUY ĐỊNH

công nhận phạm vi ảnh hưởng, hiệu quả áp dụng của đề tài nghiên cứu khoa học trong ngành Y tế, làm căn cứ xét, tặng danh hiệu thi đua các cấp và khen thưởng hoặc đề nghị cấp trên khen thưởng

*(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-SYT
ngày / /2023 của Giám đốc Sở Y tế)*

**Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG****Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

Quy định này quy định việc xét công nhận phạm vi ảnh hưởng, hiệu quả áp dụng của đề tài nghiên cứu khoa học (NCKH) trong ngành Y tế tỉnh Kon Tum, làm căn cứ xét, tặng danh hiệu thi đua các cấp và khen thưởng hoặc đề nghị cấp trên khen thưởng.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Quy định này áp dụng đối với những đề tài nghiên cứu khoa học có liên quan đến lĩnh vực y tế do các cá nhân, tập thể của các đơn vị trong ngành Y tế tỉnh Kon Tum thực hiện theo quy định của Luật Thi đua, khen thưởng và các văn bản hướng dẫn công tác thi đua, khen thưởng.

2. Quy định này không áp dụng đối với các đề tài nghiên cứu khoa học không sử dụng để đề nghị xét các danh hiệu, hình thức khen thưởng theo Luật Thi đua, khen thưởng.

Điều 3. Tiêu chuẩn của đề tài để làm căn cứ xét, tặng danh hiệu thi đua các cấp và khen thưởng hoặc đề nghị cấp trên khen thưởng

1. Đề tài NCKH được sử dụng làm căn cứ xét, tặng danh hiệu thi đua các cấp và khen thưởng hoặc đề nghị cấp trên khen thưởng là đề tài NCKH đã được các đơn vị trực thuộc Sở Y tế nghiệm thu ở mức “Đạt” trở lên, được áp dụng trong thực tiễn mang lại hiệu quả cao và đã được Sở Y tế xem xét, quyết định công nhận. Đối tượng được công nhận có đề tài NCKH để làm căn cứ xét danh hiệu thi đua và các hình thức khen thưởng là Chủ nhiệm đề tài và người trực tiếp tham gia nghiên cứu đề tài, số lượng không quá 5 người cho một đề tài.

2. Thể thức, kỹ thuật trình bày Báo cáo kết quả đề tài NCKH y học theo đúng quy định tại Phụ lục I kèm theo. Đây là một trong những tiêu chuẩn để đánh giá, xét công nhận phạm vi ảnh hưởng, hiệu quả áp dụng của đề tài NCKH. Đề tài không thực hiện đúng hướng dẫn của Sở Y tế thì sẽ không được tiếp nhận để xem xét, đánh giá và công nhận phạm vi ảnh hưởng, hiệu quả áp dụng.

3. Đề tài được triển khai phải bảo đảm đầy đủ các bước trong thực hiện đề tài NCKH, cụ thể bao gồm: (1) Xác định và công bố danh mục đề tài; (2) Xét duyệt đề cương và kinh phí thực hiện; (3) Giám sát thực hiện đề tài; (4) Nghiệm thu và phê duyệt kết quả đề tài. Các đơn vị trực thuộc Sở Y tế ban hành Quy định quản lý các đề tài NCKH của đơn vị mình để triển khai thực hiện. Trường hợp các đơn vị không đủ điều kiện về nhân lực để thành lập Hội đồng khoa học và công nghệ, có thể mời thêm thành viên tham gia Hội đồng từ các đơn vị khác.

4. Đề tài nghiên cứu y sinh học liên quan đến con người đều phải được Hội đồng đạo đức xem xét, nhận xét, hướng dẫn và chấp thuận về đạo đức và khoa học theo các quy định tại Thông tư số 04/2020/TT-BYT ngày 05 tháng 3 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Y tế về Quy định việc thành lập, chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng đạo đức trong nghiên cứu y sinh học.

Chương II

XÉT DUYỆT, CÔNG NHẬN PHẠM VI ẢNH HƯỞNG VÀ HIỆU QUẢ ÁP DỤNG CỦA ĐỀ TÀI NGHIÊN CỨU KHOA HỌC

Điều 4. Hồ sơ đề nghị xét duyệt, công nhận phạm vi ảnh hưởng và hiệu quả áp dụng của đề tài NCKH

Hồ sơ đề nghị xét duyệt, công nhận phạm vi ảnh hưởng và hiệu quả áp dụng của đề tài NCKH được các cá nhân, đơn vị trực thuộc Sở Y tế lập và gửi về Sở Y tế trước ngày 15/11 hàng năm.

Hồ sơ bao gồm:

1. Tờ trình của Thủ trưởng đơn vị đề nghị Sở Y tế công nhận phạm vi ảnh hưởng và hiệu quả áp dụng của các đề tài NCKH.

2. Quyết định của Thủ trưởng đơn vị phê duyệt kết quả đề tài NCKH.

3. Biên bản họp Hội đồng nghiệm thu kết quả đề tài NCKH.

4. Hồ sơ đối với từng đề tài NCKH đề nghị công nhận phạm vi ảnh hưởng, hiệu quả áp dụng gồm:

- Đơn đề nghị công nhận phạm vi ảnh hưởng và hiệu quả áp dụng của đề tài NCKH theo mẫu tại Phụ lục II ban hành kèm theo Quy định này.

- Báo cáo kết quả đề tài NCKH hoàn chỉnh theo quy định tại Phụ lục I ban hành kèm theo Quy định này.

- Tài liệu minh chứng phạm vi ảnh hưởng, hiệu quả áp dụng:

+ Bài báo khoa học được đăng tải, công bố trên các tạp chí Quốc tế và Tạp chí khoa học trong nước; hình chụp bài báo/nghiên cứu đăng tải, công bố trên Trang Thông tin điện tử;

+ Tài liệu chứng minh đề tài tham gia báo cáo khoa học tại Hội nghị khoa học/Sinh hoạt khoa học;

+ Tài liệu chứng minh kết quả nghiên cứu và khuyến nghị của nghiên cứu có tính hiệu quả áp dụng.

Toàn bộ bản mềm (các tập tin điện tử) của hồ sơ trên được gửi đến địa chỉ email của phòng Nghiệp vụ Y Dược Sở Y tế - cơ quan thường trực Hội đồng (nckhytekontum@gmail.com).

Điều 5. Tiêu chí đánh giá, xét duyệt phạm vi ảnh hưởng và hiệu quả áp dụng của đề tài NCKH

Đề tài NCKH sẽ được đánh giá trên 03 tiêu chí: (1) Chất lượng của nghiên cứu khoa học; (2) Phạm vi ảnh hưởng của đề tài nghiên cứu khoa học; (3) Hiệu quả áp dụng của đề tài nghiên cứu khoa học, cụ thể:

1. Chất lượng của nghiên cứu khoa học

1.1. Đặt vấn đề và tên đề tài, mục tiêu nghiên cứu phù hợp

1.2. Tổng quan tài liệu đầy đủ, rõ ràng

1.3. Đối tượng và Phương pháp nghiên cứu phù hợp với nội dung nghiên cứu, cỡ mẫu, cách thức chọn mẫu phù hợp; công cụ thu thập thông tin, điều tra khảo sát phù hợp; phương pháp phân tích và xử lý số liệu phù hợp với các yêu cầu về mặt khoa học.

1.4. Kết quả nghiên cứu đáp ứng với mục tiêu của nghiên cứu.

1.5. Các khuyến nghị từ nghiên cứu xuất phát từ kết quả nghiên cứu và thiết thực, có giá trị.

1.6. Tài liệu tham khảo phù hợp, trình bày đúng kỹ thuật.

1.7. Tóm tắt nghiên cứu rõ ràng, ngắn gọn, nêu được phạm vi ảnh hưởng, hiệu quả áp dụng.

2. Phạm vi ảnh hưởng của đề tài nghiên cứu khoa học

2.1. Phạm vi ảnh hưởng toàn quốc trở lên nếu có 1 trong 2 tiêu chí:

a) Đề tài có bài báo khoa học được đăng tải trên các tạp chí Quốc tế và tạp chí khoa học trong hệ thống tính điểm của Hội đồng giáo sư nhà nước.

b) Đề tài tham gia báo cáo khoa học tại Hội nghị khoa học cấp Quốc gia, cấp vùng hoặc do các Hội chuyên ngành Y, Dược Trung ương tổ chức.

2.2. Phạm vi ảnh hưởng áp dụng trên địa bàn tỉnh:

a) Đề tài có bài báo khoa học được đăng tải trên Tạp chí Khoa học và Công nghệ của tỉnh, đăng tải kết quả trên Trang Thông tin điện tử của Sở Y tế.

b) Đề tài tham gia báo cáo khoa học tại Hội nghị khoa học cấp tỉnh, Hội nghị khoa học do Sở Y tế hoặc các Hội chuyên ngành Y, Dược, cơ quan tương đương cấp tỉnh tổ chức (có thể tại tỉnh hoặc tỉnh/thành phố trực thuộc trung ương khác tổ chức).

2.3. Phạm vi ảnh hưởng áp dụng tại đơn vị:

a) Đề tài được Hội đồng khoa học và công nghệ của đơn vị nghiệm thu kết quả nghiên cứu, có hướng ứng dụng kết quả nghiên cứu tại đơn vị, trên địa bàn.

b) Đề tài có bài báo được trình bày tại các buổi sinh hoạt khoa học cấp đơn vị (có thể trình bày tại đơn vị hoặc đơn vị khác trong ngành tổ chức).

3. Hiệu quả áp dụng của đề tài nghiên cứu khoa học

3.1. Kết quả nghiên cứu và khuyến nghị của nghiên cứu có khả năng áp dụng trên toàn quốc, quốc tế.

3.2. Kết quả nghiên cứu và khuyến nghị của nghiên cứu có khả năng áp dụng tại các đơn vị khác trên địa bàn tỉnh.

3.3. Kết quả nghiên cứu và khuyến nghị của nghiên cứu chỉ có khả năng áp dụng tại đơn vị.

Điều 6. Cách chấm điểm và xếp loại đánh giá phạm vi ảnh hưởng, hiệu quả áp dụng của đề tài NCKH

1. Cách chấm điểm: Trên cơ sở các tiêu chí đánh giá phạm vi ảnh hưởng, hiệu quả áp dụng của đề tài NCKH, các thành viên Hội đồng đánh giá cho điểm đối với từng nội dung đánh giá. Điểm đánh giá phạm vi ảnh hưởng, hiệu quả áp dụng của đề tài NCKH dựa trên điểm trung bình của các thành viên Hội đồng.

2. Điểm thưởng: Trường hợp một đề tài có hơn 01 bài báo được đăng tải trên Tạp chí khoa học hoặc trình bày tại hơn 01 hội nghị/hội thảo khoa học sẽ được tính điểm thưởng, cụ thể:

- Có hơn 01 bài báo khoa học được đăng tải trên các tạp chí Quốc tế hoặc Tạp chí khoa học trong hệ thống tính điểm của Hội đồng giáo sư nhà nước hoặc có hơn 01 báo cáo khoa học tại Hội nghị khoa học cấp Quốc gia, cấp vùng hoặc Hội nghị khoa học do các Hội chuyên ngành Y, Dược cấp Trung ương tổ chức, mỗi bài báo hoặc báo cáo thêm được thưởng 05 điểm vào tổng điểm đạt được của đề tài NCKH.

- Có hơn 01 bài báo khoa học được đăng tải trên Tạp chí Khoa học và Công nghệ của tỉnh, đăng tải kết quả trên Trang Thông tin điện tử của Sở Y tế hoặc có hơn 01 báo cáo khoa học tại Hội nghị khoa học cấp tỉnh, Hội nghị khoa học do Sở Y tế hoặc các Hội chuyên ngành Y, Dược, cơ quan tương đương cấp tỉnh tổ chức (có thể tại tỉnh hoặc tỉnh/thành phố trực thuộc trung ương khác tổ chức), mỗi bài báo hoặc báo cáo thêm được thưởng 03 điểm vào tổng điểm đạt được của đề tài NCKH.

- Có hơn 01 lần báo cáo tại hội nghị/hội thảo/buổi sinh hoạt khoa học cấp đơn vị (có thể tại đơn vị hoặc đơn vị khác trong ngành Y tế tỉnh tổ chức) được thưởng 01 điểm cho mỗi hội nghị trình bày.

3. Xếp loại đề tài: Trên cơ sở tổng điểm trung bình đánh giá của các thành viên Hội đồng và điểm thưởng, kết quả xếp loại đề tài được phân thành 5 mức, cụ thể:

- Xuất sắc: Đạt tổng số điểm từ 85 đến 100 điểm, trong đó tổng số điểm tiêu chí 1 phải đạt từ 35 điểm trở lên. Nghiên cứu có ý nghĩa lớn về khoa học, công nghệ và kinh tế - xã hội.

- Tốt: Đạt tổng số điểm từ 70 đến dưới 85 điểm, trong đó tổng số điểm tiêu chí 1 phải đạt từ 30 điểm trở lên.

- Khá: Đạt tổng số điểm từ 60 đến dưới 70 điểm, trong đó tổng số điểm tiêu chí 1 phải đạt từ 25 điểm trở lên.

- Trung bình: Đạt tổng số điểm từ 50 đến dưới 60 điểm, trong đó tổng số điểm các tiêu chí 1 phải đạt từ 20 điểm trở lên.

- Không đạt: Khi có tổng số điểm đạt dưới 50 điểm hoặc điểm tiêu chí 1 đạt dưới 20 điểm.

4. Tiêu chí đánh giá và thang điểm cụ thể đề tài thực hiện theo phụ lục III ban hành kèm theo Quy định này.

Điều 7. Hội đồng xét duyệt phạm vi ảnh hưởng, hiệu quả áp dụng của đề tài NCKH trong ngành Y tế

1. Giám đốc Sở Y tế quyết định thành lập các Hội đồng xét duyệt phạm vi ảnh hưởng, hiệu quả áp dụng của đề tài NCKH trong ngành Y tế (sau đây gọi tắt là Hội đồng).

2. Các Hội đồng có nhiệm vụ tổ chức xét duyệt phạm vi ảnh hưởng, hiệu quả áp dụng của đề tài NCKH trong ngành Y tế và chịu trách nhiệm trước Giám đốc Sở Y tế về kết quả xét duyệt.

3. Mỗi Hội đồng có tối thiểu 05 thành viên, thành phần của Hội đồng gồm Chủ tịch, hai ủy viên phản biện và hai ủy viên Hội đồng.

4. Ủy viên phản biện là người có kinh nghiệm trong nội dung/lĩnh vực nghiên cứu của đề tài trình xét duyệt phạm vi ảnh hưởng, hiệu quả áp dụng.

5. Ngoài 5 thành viên, Hội đồng có 01 Thư ký khoa học có nhiệm vụ chuẩn bị tài liệu, ghi biên bản và tổng hợp kết quả họp Hội đồng.

6. Trong trường hợp cần thiết, Chủ tịch Hội đồng đề nghị Giám đốc Sở Y tế thành lập Tổ thẩm định số liệu nghiên cứu, nội dung khoa học và tài chính của đề tài. Kết quả thẩm định là báo cáo thẩm định được chuyển cho Chủ tịch Hội đồng trước phiên họp Hội đồng. Tổ thẩm định gồm 2-3 thành viên là các thành viên Hội đồng, có thể có các thành viên ngoài Hội đồng (nếu cần thiết). Tổ thẩm định do một thành viên Hội đồng làm Tổ trưởng.

7. Tổ chức phiên họp Hội đồng

a) Trên cơ sở hồ sơ đề nghị xét duyệt và báo cáo thẩm định (nếu có), Chủ tịch Hội đồng quyết định tiến hành phiên họp xét duyệt.

b) Thành phần chính tham dự phiên họp Hội đồng bao gồm: Hội đồng xét duyệt, Thư ký và nhóm thực hiện đề tài nghiên cứu.

c) Phiên họp hợp lệ của Hội đồng phải có mặt ít nhất 2/3 số thành viên, trong đó có Chủ tịch và có đủ các ủy viên phản biện.

d) Nội dung phiên họp Hội đồng:

Chủ tịch Hội đồng chủ trì phiên họp xét duyệt theo trình tự như sau:

- Chủ tịch Hội đồng thông qua quyết định thành lập Hội đồng, giới thiệu thành phần Hội đồng và các đại biểu tham dự; thông qua nguyên tắc, quy trình và các tiêu chí đánh giá, thang điểm đánh giá, xét duyệt được quy định tại Quy định này.

- Tổ trưởng Tổ thẩm định đọc báo cáo kết quả thẩm định (nếu có) đối với đề tài NCKH.

- Chủ trì đề tài hoặc đại diện nhóm nghiên cứu báo cáo tóm tắt kết quả nghiên cứu và trình bày về phạm vi ảnh hưởng, hiệu quả áp dụng của đề tài NCKH cùng bằng chứng chứng minh trước Hội đồng.

- Ủy viên phản biện đọc đánh giá về tính khoa học của đề tài nghiên cứu theo báo cáo kết quả đề tài nghiên cứu khoa học và nhận xét phạm vi ảnh hưởng, hiệu quả áp dụng của đề tài (theo phụ lục III ban hành kèm theo Quy định này).

- Thư ký khoa học đọc phiếu nhận xét, đánh giá của thành viên vắng mặt (nếu có) để Hội đồng tham khảo.

- Các thành viên Hội đồng nêu ý kiến trao đổi về phạm vi ảnh hưởng, hiệu quả áp dụng của đề tài; nêu câu hỏi đối với chủ nhiệm đề tài hoặc đại diện nhóm nghiên cứu về kết quả và các vấn đề liên quan.

- Chủ nhiệm đề tài hoặc đại diện nhóm nghiên cứu giải trình các câu hỏi của Hội đồng.

- Các thành viên Hội đồng chấm điểm, đánh giá theo các tiêu chí đối với đề tài bằng Phiếu nhận xét, đánh giá phạm vi ảnh hưởng, hiệu quả áp dụng của đề tài (theo phụ lục III ban hành kèm theo Quy định này).

- Thư ký khoa học tổng hợp, công bố kết quả chấm điểm của các thành viên Hội đồng.

- Thư ký khoa học dự thảo kết luận đánh giá trình Chủ tịch Hội đồng, trong đó cần nêu rõ, cụ thể những nội dung cần bổ sung để minh chứng phạm vi ảnh hưởng, hiệu quả áp dụng của đề tài NCKH.

- Hội đồng thảo luận để thống nhất từng nội dung kết luận và thông qua Biên bản (theo mẫu được quy định tại phụ lục IV ban hành kèm theo Quy định này). Biên bản này được lập thành 2 bản, 1 bản lưu tại phòng Nghiệp vụ Y Dược Sở Y tế và 1 bản gửi cho chủ nhiệm đề tài NCKH.

Điều 8. Trình tự xét duyệt phạm vi ảnh hưởng, hiệu quả áp dụng của đề tài NCKH trong ngành Y tế

1. Trong thời hạn tối đa 20 ngày làm việc sau khi nhận được hồ sơ đề nghị xét duyệt phạm vi ảnh hưởng, hiệu quả áp dụng của đề tài NCKH trong ngành Y

tế, phòng Nghiệp vụ Y Dược Sở Y tế có trách nhiệm tham mưu cho Giám đốc Sở Y tế thành lập Hội đồng xét duyệt. Chỉ những đề tài bảo đảm yêu cầu thành phần hồ sơ tại Điều 4 của Quy định này mới trình ra Hội đồng xét duyệt, những đề tài không bảo đảm các yêu cầu sẽ được gửi trả lại đơn vị, có nêu rõ lý do không tiếp nhận.

2. Trong thời hạn tối đa 10 ngày sau khi có quyết định thành lập của Giám đốc Sở Y tế, Hội đồng xét duyệt tổ chức họp, hoàn thành việc xét duyệt phạm vi ảnh hưởng, hiệu quả áp dụng của đề tài.

3. Kết thúc họp Hội đồng, Thư ký hoàn thiện biên bản, gửi Biên bản đánh giá các đề tài NCKH, các phiếu chấm điểm đầy đủ nhận xét, chữ ký thành viên Hội đồng về Phòng Nghiệp vụ Y Dược Sở Y tế trong vòng 03 ngày tính từ kết thúc họp Hội đồng. Phòng Nghiệp vụ Y Dược Sở Y tế tổng hợp, tham mưu lãnh đạo Sở Y tế công khai kết quả họp Hội đồng (thời gian công khai 10 ngày).

4. Việc tổ chức xét duyệt phạm vi ảnh hưởng và hiệu quả áp dụng đề tài nghiên cứu khoa học được thực hiện nhiều đợt trong năm, trong đó Sở Y tế bố trí kinh phí họp Hội đồng 01 lần trước ngày 10/12 hàng năm. Việc tổ chức xét duyệt phạm vi ảnh hưởng và hiệu quả áp dụng đề tài nghiên cứu khoa học ngoài đợt trên, kinh phí tổ chức xét duyệt do các đơn vị đề nghị chi trả.

Điều 9. Công nhận phạm vi ảnh hưởng và hiệu quả dụng của đề tài NCKH

1. Thẩm quyền công nhận: Giám đốc Sở Y tế quyết định công nhận phạm vi ảnh hưởng và hiệu quả áp dụng của đề tài NCKH trên cơ sở kết luận của các Hội đồng xét duyệt.

2. Trình tự công nhận phạm vi ảnh hưởng, hiệu quả áp dụng của đề tài:

- Trong thời hạn tối đa 15 ngày sau kỳ họp của Hội đồng, chủ nhiệm đề tài có trách nhiệm tiếp thu ý kiến của Hội đồng để chỉnh sửa, hoàn chỉnh Hồ sơ đề nghị công nhận phạm vi ảnh hưởng, hiệu quả áp dụng của đề tài NCKH; kiến nghị về kết quả họp Hội đồng (nếu có); gửi về phòng Nghiệp vụ Y Dược Sở Y tế để rà soát, tham mưu trình lãnh đạo Sở Y tế quyết định công nhận.

- Sau thời hạn công khai kết quả họp Hội đồng, Phòng Nghiệp vụ Y Dược Sở Y tế có trách nhiệm kiểm tra, rà soát việc chỉnh sửa, bổ sung hồ sơ bảo đảm đạt yêu cầu; tổng hợp kiến nghị của chủ nhiệm đề tài đối với kết quả họp Hội đồng (nếu có); tham mưu trình Giám đốc Sở Y tế quyết định công nhận phạm vi ảnh hưởng và hiệu quả áp dụng của đề tài nghiên cứu khoa học.

3. Các đề tài NCKH được công nhận được cấp mã số đề tài, mã hoá và lưu giữ hồ sơ về đề tài NCKH tại phòng Nghiệp vụ Y Dược Sở Y tế để phục vụ cho công tác đào tạo, NCKH chung của Ngành; được đăng trên Trang Thông tin điện tử của Sở Y tế.

Điều 10. Huỷ bỏ kết quả công nhận phạm vi ảnh hưởng và hiệu quả áp dụng của đề tài NCKH

1. Đề tài NCKH đã được Giám đốc Sở Y tế công nhận phạm vi ảnh hưởng và hiệu quả áp dụng nhưng sau đó phát hiện vi phạm quyền sở hữu trí tuệ, quyền tác giả, có hành vi gian dối trong quá trình thực hiện đề tài NCKH sẽ bị hủy bỏ kết quả công nhận phạm vi ảnh hưởng và hiệu quả áp dụng của đề tài NCKH, bị thu hồi các danh hiệu thi đua khen thưởng gắn với đề tài NCKH.

2. Đối với các đề tài nghiên cứu khoa học y sinh liên quan đến con người phát hiện có dấu hiệu vi phạm đạo đức nghiên cứu sẽ bị hủy bỏ kết quả công nhận phạm vi ảnh hưởng và hiệu quả áp dụng của đề tài NCKH.

Điều 11. Kinh phí cho các cuộc họp Hội đồng

1. Hàng năm, Sở Y tế, các đơn vị bố trí nguồn kinh phí cho thực hiện nhiệm vụ khoa học theo quy định hiện hành, trong đó định mức xây dựng, phân bổ dự toán và quyết toán kinh phí cho họp Hội đồng.

2. Nội dung, định mức chi áp dụng theo Quyết định số 10/2022/QĐ-UBND ngày 03/6/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum về ban hành định mức xây dựng, phân bổ dự toán và quyết toán kinh phí đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh, cấp cơ sở có sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Kon Tum.

3. Nguồn kinh phí: Nguồn quỹ phát triển sự nghiệp của đơn vị và nguồn ngân sách nhà nước.

Chương III KHEN THƯỞNG, KỶ LUẬT

Điều 12. Khen thưởng

1. Hàng năm, các đơn vị xét, đề nghị Sở Y tế khen thưởng đối với các đề tài NCKH được đánh giá xuất sắc, có khả năng ứng dụng cao, có đóng góp lớn cho sự phát triển của ngành Y tế và của tỉnh. Nguồn kinh phí lấy từ kinh phí NCKH hoặc kinh phí khen thưởng của đơn vị.

2. Sở Y tế sẽ xét chọn trong số những đề tài NCKH xuất sắc trong năm đề nghị Hội đồng KHCVN tỉnh xem xét và trình Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định khen thưởng hoặc đề nghị lên cấp trên khen thưởng theo qui định của Nhà nước.

3. Các cá nhân, đơn vị có đề tài được công nhận phạm vi ảnh hưởng và hiệu quả áp dụng (có quyết định công nhận) là cơ sở để xét khen thưởng thành tích thực hiện kế hoạch Nhà nước và phong trào thi đua hàng năm trên cơ sở đăng ký thi đua từ đầu năm của cá nhân, đơn vị.

Điều 13. Xử lý vi phạm

1. Công chức, viên chức và người lao động vi phạm các quy định công nhận phạm vi ảnh hưởng và hiệu quả áp dụng của đề tài NCKH, tùy theo mức độ sẽ bị xử lý theo các quy định của pháp luật hiện hành.

2. Thành viên Hội đồng thiếu khách quan, không công bằng và trung thực thì không được tiếp tục tham gia các Hội đồng và bị xử lý theo quy định của pháp luật về KHCN và các quy định của pháp luật hiện hành.

Chương IV **ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH**

Điều 14. Trách nhiệm thi hành

1. Thủ trưởng các đơn vị trực thuộc Sở Y tế tổ chức phổ biến nội dung của Quy định này đến từng công chức, viên chức và người lao động trong đơn vị biết; chỉ đạo các phòng, ban có liên quan tổ chức thực hiện nghiêm túc Quy định này.

2. Giao Trưởng phòng Nghiệp vụ Y Dược Sở Y tế chủ trì, phối hợp với các phòng có liên quan thuộc Sở Y tế chịu trách nhiệm trong việc tham mưu lãnh đạo Sở Y tế theo dõi, kiểm tra việc thực hiện Quy định này.

Trong quá trình thực hiện, nếu có những vấn đề phát sinh, vướng mắc, các đơn vị báo cáo về Sở Y tế (qua phòng Nghiệp vụ Y Dược) để tổng hợp, đề xuất với lãnh đạo Sở Y tế xem xét, sửa đổi và bổ sung cho phù hợp./.

Phụ lục I
Quy định về thể thức, kỹ thuật trình bày
Báo cáo kết quả đề tài nghiên cứu khoa học y học

I. BỐ CỤC CỦA BÁO CÁO KẾT QUẢ ĐỀ TÀI

1. Tóm tắt nghiên cứu

1.1. Mục đích: Tóm tắt cung cấp những thông tin quan trọng như mục đích nghiên cứu, phương pháp nghiên cứu và kết quả và khuyến nghị từ nghiên cứu. Trong tóm tắt cần nêu được phạm vi ảnh hưởng và hiệu quả áp dụng của nghiên cứu.

1.2. Yêu cầu: Trình bày không quá 2 trang A4.

2. Đặt vấn đề

2.1. Mục đích: Giới thiệu ngắn gọn về đề tài nghiên cứu, nêu lý do vì sao tiến hành nghiên cứu, mục đích, đối tượng, phạm vi nghiên cứu, ý nghĩa khoa học và thực tiễn của đề tài, xác định mục tiêu của đề tài.

2.2. Yêu cầu: Viết ngắn gọn, tối đa là 2 trang.

3. Tổng quan tài liệu:

3.1. Mục đích: Tổng hợp một cách đầy đủ các tài liệu liên quan (thông tin, số liệu, khái niệm, học thuyết, lý thuyết, kết quả, kết luận) về vấn đề quan tâm nghiên cứu. Phân tích, đánh giá các công trình nghiên cứu liên quan mật thiết đến đề tài, những nội dung có liên quan đến vấn đề nghiên cứu đã được công bố (nếu có), chỉ ra những vấn đề còn tồn tại mà đề tài sẽ tập trung giải quyết.

3.2. Yêu cầu: Khoảng 25-28% tổng số trang, trình bày gồm các phần:

- Các khái niệm, qui định, tiêu chí, phương pháp đánh giá,... liên quan đến nội dung nghiên cứu: Mục này chỉ cần trình bày tóm tắt.
- Tổng quan các nội dung liên quan đến mục tiêu nghiên cứu của đề tài.
- Sơ đồ cây vấn đề hoặc khung lý thuyết nghiên cứu.
- Địa bàn nghiên cứu.

4. Đối tượng và phương pháp nghiên cứu

4.1. Mục đích: Trình bày cụ thể về đối tượng và phương pháp nghiên cứu.

4.2. Yêu cầu: Khoảng 15% tổng số trang, trình bày gồm các mục:

- Đối tượng nghiên cứu: Nêu đối tượng nghiên cứu, tiêu chuẩn lựa chọn và tiêu chuẩn loại trừ.
- Thiết kế nghiên cứu.
- Địa điểm và thời gian nghiên cứu.

- Cỡ mẫu: Trình bày công thức và tính cỡ mẫu phù hợp với thiết kế nghiên cứu.

- Phương pháp chọn mẫu: Mô tả chi tiết cách thức chọn mẫu.

- Biến số, chỉ số, nội dung nghiên cứu: Nếu là nghiên cứu định lượng thì mục này ghi là “Biến số, chỉ số” (ghi chi tiết: Tên biến số, định nghĩa biến, phân loại, phương pháp thu thập); nếu là nghiên cứu định tính thì ghi là “Nội dung nghiên cứu”, còn nếu là NC định lượng kết hợp với NC định tính thì ghi đầy đủ.

- Kỹ thuật và công cụ thu thập thông tin.

- Quy trình thu thập số liệu và khống chế sai số.

- Quản lý, xử lý và phân tích số liệu, khống chế sai số.

- Đạo đức trong nghiên cứu.

5. Kết quả nghiên cứu

5.1. Mục đích: Trình bày những phát hiện từ nghiên cứu, bám sát các mục tiêu của nghiên cứu.

5.2. Yêu cầu: Kết quả nghiên cứu chiếm từ 25-30% tổng số trang, các phần khuyến cáo trình bày gồm:

- Đặc điểm chung của đối tượng nghiên cứu: Trình bày số lượng đối tượng nghiên cứu đáp ứng tiêu chí, số lượng đối tượng nghiên cứu được lựa chọn, số lượng đối tượng nghiên cứu theo dõi được qua từng thời điểm và số lượng ĐTNC được phân tích. Cần nêu rõ lý do không tham gia, mất đối tượng nghiên cứu (nếu có). Cần mô tả đặc điểm của đối tượng tham gia nghiên cứu (đặc điểm nhân khẩu học, lâm sàng, xã hội...) và các thông tin về phơi nhiễm, các yếu tố gây nhiễu tiềm tàng.

- Kết quả theo mục tiêu 1

- Kết quả theo mục tiêu 2, ...

Lưu ý: Kết quả nghiên cứu trình bày theo từng mục tiêu, dữ liệu trình bày dưới dạng Bảng hoặc Biểu đồ. Các bảng có tiêu đề với các hàng cột nêu rõ biến số, chỉ số nghiên cứu và các thuật toán thống kê sử dụng trong khi phân tích số liệu. Cùng một kết quả nghiên cứu không trình bày cả dạng bảng và biểu đồ.

6. Bàn luận

6.1. Mục đích: Bàn luận trên cơ sở kết quả nghiên cứu thu được trong quá trình nghiên cứu của đề tài hoặc đối chiếu với kết quả nghiên cứu của các tác giả khác thông qua các tài liệu tham khảo.

6.2. Yêu cầu: Bàn luận chiếm từ 15-25% tổng số trang, trình bày gồm:

- Bàn luận theo mục tiêu 1

- Bàn luận theo mục tiêu 2, ...

- Hạn chế của nghiên cứu

Lưu ý:

- Ở mỗi mục bàn luận cần nêu ra những giải thích có thể cho các kết quả nghiên cứu, so sánh với kết quả của các nghiên cứu khác và trình bày các bằng chứng khoa học có liên quan khác. Cần tóm tắt các kết quả chính theo mục tiêu nghiên cứu. Bàn luận về ý nghĩa của nghiên cứu, đóng góp cho y văn về lĩnh vực mà nghiên cứu đề cập.

- Cần nêu lên những hạn chế của nghiên cứu, những nguồn sai số tiềm tàng có thể có, những nỗ lực của nhóm thực hiện đề tài trong việc hạn chế và kiểm soát những sai số đó, cũng như gợi mở những hướng phân tích, nghiên cứu tiếp theo trong tương lai.

7. Kết luận

7.1. Mục đích: Trình bày những phát hiện mới, những kết luận rút ra từ kết quả nghiên cứu và phải dựa vào mục tiêu nghiên cứu.

7.2. Yêu cầu: Kết luận tóm tắt, không quá 2 trang A4.

8. Khuyến nghị

8.1. Mục đích: Từ kết quả nghiên cứu đưa ra các khuyến nghị cho bên liên quan.

8.2. Yêu cầu: Khuyến nghị trong khoảng 1-2 trang A4; khuyến nghị phải được rút ra từ kết quả nghiên cứu.

9. Tài liệu tham khảo

9.1. Mục đích: Là danh mục những tài liệu được trích dẫn và sử dụng trong Báo cáo kết quả đề tài.

9.2. Yêu cầu: Tài liệu tham khảo cần được trích dẫn theo đúng quy định.

- Tài liệu tham khảo được xếp riêng theo từng ngôn ngữ (Việt, Anh, Pháp, Đức, Nga, Trung, Nhật...). Các tài liệu bằng tiếng nước ngoài phải được giữ nguyên văn, không phiên âm, không dịch kể cả tài liệu bằng tiếng Trung Quốc, Nhật... (đối với những tài liệu bằng ngôn ngữ còn ít người biết có thể thêm phần dịch tiếng Việt đi kèm theo mỗi tài liệu).

- Tài liệu tham khảo xếp theo thứ tự ABC họ tên tác giả. Đối với Tác giả là người nước ngoài xếp thứ tự ABC theo họ. Đối với Tác giả là người Việt Nam xếp theo thứ tự ABC theo tên nhưng vẫn giữ nguyên thứ tự thông thường của tên người Việt Nam, không đảo tên lên trước họ. Tài liệu không có tên tác giả thì sắp xếp theo thứ tự ABC từ đầu của tên cơ quan ban hành báo cáo hay ấn phẩm (ví dụ Tổng cục thống kê xếp vần T, Bộ Giáo dục và Đào tạo xếp vần B). Nếu có nhiều tài liệu do cùng một tác giả viết thì được sắp xếp theo thời gian xuất bản từ gần đến xa.

- Tài liệu tham khảo là sách, luận án, luận văn, báo cáo phải ghi đầy đủ các thông tin sau: Tên các tác giả hoặc cơ quan ban hành (không có dấu gạch cách); (năm xuất bản), (đặt trong ngoặc đơn, dấu phẩy sau ngoặc đơn); Tên sách, luận

án, luận văn hoặc báo cáo, (in nghiêng, dấu phẩy cuối tên); Nhà xuất bản, (dấu phẩy cuối tên nhà xuất bản); Nơi xuất bản. (dấu chấm kết thúc tài liệu tham khảo).

- Tài liệu tham khảo là bài báo trong tạp chí, bài trong một cuốn sách... ghi đầy đủ các thông tin sau: Tên tác giả (không có dấu ngăn cách); (năm công bố), (đặt trong ngoặc đơn, dấu phẩy sau ngoặc đơn); “tên bài báo”, (đặt trong ngoặc kép, không in nghiêng, dấu phẩy cuối tên); tên tạp chí hoặc tên sách, (in nghiêng, dấu phẩy cuối tên); tập (không có dấu ngăn cách); (số), (đặt trong ngoặc đơn, dấu phẩy sau ngoặc đơn); các số trang. (gạch ngang giữa 2 chữ số, dấu chấm kết thúc).

10. Các phụ lục kèm theo

10.1. Mục đích: Những nội dung cần thiết nhằm minh họa hoặc bổ trợ cho nội dung đề tài nghiên cứu như số liệu, mẫu biểu, tranh ảnh... Nếu nghiên cứu sử dụng những câu trả lời cho một bản câu hỏi thì bản câu hỏi mẫu này phải được đưa vào phụ lục ở dạng nguyên bản đã dùng để điều tra, thăm dò ý kiến; không được tóm tắt hoặc sửa đổi.

10.2. Yêu cầu: Phụ lục không được dày hơn phần chính của báo cáo kết quả nghiên cứu. Một số loại phụ lục trong nghiên cứu như:

- Phụ lục 1: Bản đồ (hành chính, mạng lưới y tế,...).
- Phụ lục 2: Biện số, chỉ số nghiên cứu.
- Phụ lục 3: Phiếu hỏi/ Phiếu phỏng vấn/ Phiếu điều tra/ Phiếu khảo sát.
- Phụ lục 4: Hướng dẫn thảo luận nhóm/phỏng vấn sâu.
- Phụ lục 5: Một số kết quả nghiên cứu mô tả.
- Phụ lục 6: Mô tả các thủ thuật, các qui trình điều trị, phác đồ.

II. THỂ THỨC & KỸ THUẬT TRÌNH BÀY BÁO CÁO

1. Thể thức báo cáo:

- Báo cáo kết quả nghiên cứu phải được trình bày ngắn gọn, rõ ràng, mạch lạc, sạch sẽ, không được tẩy xoá, có đánh số trang, đánh số bảng, hình.

- Báo cáo phải có trang bìa và trình bày theo mẫu.

- Thứ tự báo cáo trình bày gồm:

(1) Trang bìa

(2) Mục lục

(3) Danh mục chữ viết tắt, danh mục bảng, hình, biểu đồ

(4) Tóm tắt nghiên cứu

(5) Báo cáo kết quả nghiên cứu

2. Soạn thảo văn bản

- Sử dụng font chữ Times New Roman, cỡ 13-14 của hệ soạn thảo Winword, mật độ chữ bình thường, không được nén hoặc kéo giãn khoảng cách giữa các chữ, giãn dòng đặt chế độ 1,5 lines.

- Định dạng lề: Lề trên 3 cm; lề dưới 3,0 cm; lề trái 3,5 cm; lề phải 2,0 cm.

- Số trang được đánh ở giữa, phía trên đầu mỗi trang giấy. Nếu có bảng, hình trình bày theo chiều ngang khổ giấy thì đầu bảng là lề trái của trang, nhưng nên hạn chế trình bày theo cách này.

- Báo cáo nghiên cứu khoa học trình bày trên một mặt giấy khổ A4 (210 x 297 mm).

2. Trình bày tiêu mục

- Các tiêu mục được trình bày và đánh số thành nhóm chữ số, nhiều nhất gồm 4 chữ số với số thứ nhất chỉ số Chương (Ví dụ 4.1.2.1 chỉ tiêu mục 1, nhóm tiêu mục 2, mục 1, chương 4).

- Tại mỗi nhóm tiêu mục phải có ít nhất 2 tiêu mục, nghĩa là không thể có tiêu mục 2.1.1 mà không có tiêu mục 2.1.2 tiếp theo.

3. Bảng biểu, hình vẽ, biểu đồ, phương trình

- Sử dụng danh pháp “Bảng” áp dụng cho bảng, biểu số liệu và “Hình” áp dụng chung cho các dạng biểu đồ, sơ đồ, lược đồ, bản đồ, đồ thị, phương trình, hình vẽ, hình ảnh, tranh minh họa.

- Việc đánh số bảng, hình, biểu đồ phải gắn với số Chương; ví dụ hình 3.4 có nghĩa là hình thứ 4 trong Chương 3.

- Mọi bảng, hình lấy từ các nguồn khác phải được trích dẫn đầy đủ

- Đầu đề của bảng phải ghi phía trên bảng, đầu đề của hình/biểu đồ phải ghi phía dưới hình.

- Lưu ý hạn chế trình bày bảng quá dài, có quá nhiều kết quả nghiên cứu. Các bảng, hình phải rõ ràng, có đánh số và ghi đầy đủ đầu đề, cỡ chữ phải bằng cỡ chữ sử dụng trong văn bản ĐCNC/BCKQĐT. Khi đề cập đến bảng, hình phải nêu rõ số của bảng, hình đó, ví dụ “...được nêu trong bảng 4.1”.

4. Viết tắt

- Không lạm dụng việc viết tắt. Chỉ viết tắt những từ, những cụm từ hoặc thuật ngữ được sử dụng nhiều lần trong nghiên cứu.

- Không viết tắt những cụm từ dài, những mệnh đề; không viết tắt những cụm từ ít xuất hiện trong kết quả nghiên cứu. Nếu cần viết tắt những từ, thuật ngữ, tên các cơ quan, tổ chức... thì được viết tắt sau lần viết thứ nhất có kèm theo chữ viết tắt trong ngoặc đơn.

- Đối với những từ, những cụm từ hoặc thuật ngữ bằng tiếng nước ngoài phải ghi đầy đủ nguyên văn và có dịch sang tiếng Việt trước khi quy định viết tắt.

Nếu báo cáo nghiên cứu có nhiều chữ viết tắt phải có bảng danh mục các chữ viết tắt (xếp theo thứ tự ABC) ở phần đầu báo cáo nghiên cứu.

- Không viết tắt trong tên đề tài, mục tiêu nghiên cứu hay tên các tiêu mục.

Phụ lục II
CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ĐỀ NGHỊ CÔNG NHẬN
phạm vi ảnh hưởng và hiệu quả áp dụng của đề tài nghiên cứu khoa học
năm

Kính gửi: Giám đốc Sở Y tế tỉnh Kon Tum.

Căn cứ Quyết định số/QĐ-SYT ngày/.../2023 của Giám đốc Sở Y tế tỉnh Kon Tum ban hành Quy định việc công nhận phạm vi ảnh hưởng, hiệu quả áp dụng của đề tài nghiên cứu khoa học trong ngành Y tế, làm căn cứ xét, tặng danh hiệu thi đua các cấp và khen thưởng hoặc đề nghị cấp trên khen thưởng

Chúng tôi gồm:

- Họ và tên chủ nhiệm đề tài:

- Họ và tên các cá nhân trong nhóm thực hiện đề tài:

(Cần ghi đầy đủ họ và tên, học hàm, học vị, chức vụ, đơn vị công tác, địa chỉ email, số điện thoại).

Tên đề tài:

1. Tóm tắt nghiên cứu:

Nêu tóm lược mục đích nghiên cứu; phương pháp nghiên cứu; kết quả chính đã đạt được và kết luận, khuyến nghị chính. Nên viết thành một đoạn văn liên hoàn, không dùng cách viết gạch đầu dòng, xuống dòng hay chia mục. Tổng số từ trong phần tóm tắt không nên quá 250 từ.

2. Thuyết minh về phạm vi ảnh hưởng của đề tài:

Thuyết minh làm rõ đối với phạm vi ảnh hưởng của đề tài theo các tiêu chí đánh giá 2. Trong đó nêu cụ thể bài báo đăng tải trên tạp chí nào, trình bày tại hội nghị nào?

3. Thuyết minh về hiệu quả áp dụng của đề tài:

Thuyết minh làm rõ đối với phạm vi ảnh hưởng của đề tài theo các tiêu chí đánh giá 3. Trong đó phải nêu được Kết quả nào trong nghiên cứu là căn cứ để đề xuất khuyến nghị?; việc thực hiện khuyến nghị như thế nào?

Chúng tôi làm đơn này kính đề nghị Sở Y tế tổ chức đánh giá, công nhận phạm vi ảnh hưởng và hiệu quả áp dụng của đề tài NCKH của chúng tôi.

Hồ sơ gửi kèm Đơn này bao gồm:

(1) Tờ trình của Thủ trưởng đơn vị đề nghị Sở Y tế công nhận phạm vi ảnh hưởng và hiệu quả áp dụng của các đề tài NCKH.

(2) Quyết định của Thủ trưởng đơn vị phê duyệt kết quả đề tài NCKH.

(3) Biên bản họp Hội đồng nghiệm thu kết quả đề tài NCKH.

(4) Báo cáo kết quả đề tài NCKH hoàn chỉnh.

(5) Tài liệu minh chứng phạm vi ảnh hưởng, hiệu quả áp dụng:

- Bài báo khoa học được đăng tải trên các tạp chí Quốc tế và Tạp chí khoa học trong nước; hình chụp bài báo/nghiên cứu đăng tải trên Trang Thông tin điện tử;

- Tài liệu chứng minh đề tài tham gia báo cáo khoa học tại Hội nghị khoa học/Sinh hoạt khoa học.

- Quyết định nghiệm thu kết quả nghiên cứu của Hội đồng khoa học và công nghệ của đơn vị.

- Tài liệu chứng minh kết quả nghiên cứu và khuyến nghị của nghiên cứu có tính hiệu quả áp dụng.

Toàn bộ bản mềm (các tập tin điện tử) của hồ sơ trên được gửi đến địa chỉ nckhytekontum@gmail.com cùng với thời gian gửi bản in.

Xin trân trọng cảm ơn.

....., ngày tháng năm

**XÁC NHẬN CỦA
THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ**
(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

CHỦ NHIỆM ĐỀ TÀI
(Họ, tên và chữ ký)

Phụ lục III

SỞ Y TẾ
**HỘI ĐỒNG XÉT DUYỆT
 PHẠM VI ẢNH HƯỞNG VÀ
 HIỆU QUẢ ÁP DỤNG ĐỀ TÀI
 NGHIÊN CỨU KHOA HỌC**

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Kon Tum, ngày tháng năm

**PHIẾU NHẬN XÉT, ĐÁNH GIÁ
 PHẠM VI ẢNH HƯỞNG VÀ HIỆU QUẢ ÁP DỤNG
 ĐỀ TÀI NGHIÊN CỨU KHOA HỌC**

*(Quyết định thành lập Hội đồng xét duyệt phạm vi ảnh hưởng và hiệu quả áp dụng
 đề tài NCKH số/QĐ-SYT ngày/...../..... của Giám đốc Sở Y tế)*

UV phản biện:	
Ủy viên:	

1. Tên đề tài:

2. Tổ chức, cá nhân chủ trì đề tài:

3. Thành viên Hội đồng xét duyệt:

- Họ và tên (*chức danh khoa học, học vị*):

- Nhận được hồ sơ đánh giá: Ngày.... tháng.... năm

4. Kết quả đánh giá:

TT	Nội dung đánh giá	Điểm tối đa	Điểm đánh giá
1	Chất lượng của báo cáo nghiên cứu khoa học	40	
1.1	Đặt vấn đề và tên đề tài, mục tiêu nghiên cứu phù hợp	2	
1.2	Tổng quan tài liệu đầy đủ, rõ ràng	4	
1.3	Đối tượng và Phương pháp nghiên cứu phù hợp với nội dung nghiên cứu	4	
1.4	Cỡ mẫu, cách thức chọn mẫu phù hợp	4	
1.5	Công cụ thu thập thông tin, điều tra khảo sát phù hợp	4	
1.6	Phương pháp phân tích và xử lý số liệu phù hợp với các yêu cầu về mặt khoa học.	4	
1.7	Kết quả nghiên cứu đáp ứng với mục tiêu của nghiên cứu.	4	
1.8	Các khuyến nghị từ nghiên cứu xuất phát từ kết quả nghiên cứu và thiết thực, có giá trị thực tiễn	4	
1.9	Tài liệu tham khảo phù hợp, trình bày đúng kỹ thuật.	2	
1.10	Tóm tắt nghiên cứu rõ ràng, ngắn gọn, nêu được phạm vi ảnh hưởng, hiệu quả áp dụng.	4	

TT	Nội dung đánh giá	Điểm tối đa	Điểm đánh giá
2	Phạm vi ảnh hưởng của đề tài nghiên cứu khoa học	30	
2.1	Phạm vi ảnh hưởng toàn quốc trở lên có 1 trong 2 tiêu chí:	30	
	a) Đề tài có 01 bài báo khoa học được đăng tải trên các tạp chí Quốc tế và Tạp chí khoa học trong hệ thống tính điểm của Hội đồng giáo sư nhà nước.		
	b) Đề tài tham gia báo cáo khoa học tại Hội nghị khoa học cấp Quốc gia, cấp vùng hoặc do các Hội chuyên ngành Y, Dược cấp Trung ương tổ chức.		
2.2	Phạm vi ảnh hưởng áp dụng trên địa bàn tỉnh:	20	
	a) Đề tài có bài báo khoa học được đăng tải trên Tạp chí Khoa học và Công nghệ cấp tỉnh hoặc đăng tải trên Trang Thông tin điện tử của Sở Y tế cấp tỉnh hoặc các Trường Đại học, cao đẳng; liên hiệp các Hội khoa học và kỹ thuật cấp tỉnh hoặc tương đương.		
	b) Đề tài tham gia báo cáo khoa học tại Hội nghị khoa học cấp tỉnh, Hội nghị khoa học do Sở Y tế hoặc các Hội chuyên ngành Y, Dược cấp tỉnh tổ chức (có thể tại tỉnh hoặc tỉnh/thành phố trực thuộc trung ương khác tổ chức).		
2.3	Phạm vi ảnh hưởng áp dụng tại đơn vị	10	
	a) Đề tài được Hội đồng khoa học và công nghệ của đơn vị nghiệm thu.		
	b) Đề tài có bài báo khoa học được trình bày tại các buổi sinh hoạt khoa học cấp đơn vị (có thể tại đơn vị hoặc đơn vị khác tổ chức).		
3	Hiệu quả áp dụng của đề tài nghiên cứu khoa học	30	
3.1	Kết quả nghiên cứu và khuyến nghị của nghiên cứu có tính hiệu quả áp dụng trên toàn quốc, quốc tế.	30	
3.2	Kết quả nghiên cứu và khuyến nghị của nghiên cứu có tính hiệu quả áp dụng tại đơn vị và đơn vị khác trên địa bàn tỉnh.	20	
3.3	Kết quả nghiên cứu và khuyến nghị của nghiên cứu chỉ có tính hiệu quả áp dụng tại đơn vị.	10	
	Tổng cộng	100	

5. Đánh giá, nhận xét tính khoa học của đề tài:

6. Đánh giá, nhận xét về phạm vi ảnh hưởng, hiệu quả áp dụng của đề tài:

7. Ý kiến của thành viên Hội đồng về những tồn tại và đề xuất hướng hoặc biện pháp giải quyết (bắt buộc phải ghi):

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG
(Họ tên và chữ ký)

Phụ lục IV
MẪU BIÊN BẢN HỌP HỘI ĐỒNG XÉT DUYỆT
PHẠM VI ẢNH HƯỞNG VÀ HIỆU QUẢ ÁP DỤNG
ĐỀ TÀI NGHIÊN CỨU KHOA HỌC

Hôm nay, ngày ... tháng ... năm ..., tại Hội đồng xét duyệt phạm vi ảnh hưởng và hiệu quả áp dụng của đề tài NCKH trong ngành Y tế tỉnh Kon Tum tiến hành họp, xét duyệt phạm vi ảnh hưởng và hiệu quả áp dụng của đề tài NCKH, cụ thể:

I. Thông tin chung

1. Tên và thông tin nhóm thực hiện đề tài:

- Tên đề tài:
- Chủ nhiệm đề tài: [Họ và tên, trình độ, đơn vị công tác]
- Thành viên nhóm nghiên cứu:
 - [Họ và tên, trình độ, đơn vị công tác]
 - [Họ và tên, trình độ, đơn vị công tác]
 - [Họ và tên, trình độ, đơn vị công tác]
 - [Họ và tên, trình độ, đơn vị công tác]

2. Thành phần Hội đồng xét duyệt phạm vi ảnh hưởng và hiệu quả áp dụng của đề tài NCKH trong ngành Y tế tỉnh Kon Tum:

- Quyết định thành lập Hội đồng xét duyệt phạm vi ảnh hưởng và hiệu quả áp dụng của đề tài NCKH trong ngành Y tế tỉnh Kon Tum: Số ngày .../.../..... của Giám đốc Sở Y tế.

- Số thành viên Hội đồng có mặt trên tổng số thành viên: ... có mặt/... tổng số thành viên:

- Vắng mặt: ... người, gồm:

3. Đại biểu mời tham dự họp Hội đồng (nếu có):

- Họ và tên, trình độ chuyên môn, chức vụ, đơn vị công tác

II. Nội dung làm việc của Hội đồng

1. Thông qua quyết định thành lập Hội đồng.
2. Hội đồng đã thông qua nguyên tắc, quy trình và tiêu chí đánh giá đối với đề tài.
3. Hội đồng đã nghe:
 - Chủ nhiệm đề tài hoặc đại diện nhóm nghiên cứu trình bày báo cáo tóm tắt về kết quả nghiên cứu của đề tài.
 - Phiếu nhận xét của uỷ viên phản biện.

- Phiếu nhận xét của thành viên vắng mặt (nếu có) để Hội đồng tham khảo.

4. Hội đồng đã trao đổi, thảo luận:

- Hội đồng đã nêu câu hỏi đối với chủ nhiệm đề tài và các thành viên tham gia thực hiện đề tài về báo cáo kết quả nghiên cứu của đề tài.

- Trên cơ sở đã xem xét, nghiên cứu toàn bộ hồ sơ đánh giá và các tài liệu, văn bản liên quan, các Phiếu nhận xét đánh giá đề tài của các uỷ viên phản biện; trao đổi thảo luận, nhận định về các kết quả nghiên cứu của đề tài theo từng nội dung; Hội đồng đã thực hiện chấm điểm bằng Phiếu đánh giá kết quả.

5. Thư ký khoa học tổng hợp, thông qua kết quả chấm điểm của các thành viên Hội đồng.

6. Kết luận của Hội đồng về các nội dung đánh giá:

6.1. Về tính khoa học của Đề tài:

6.2. Về Phạm vi ảnh hưởng, hiệu quả áp dụng của Đề tài:

7. Yêu cầu sung hồ sơ minh chứng phạm vi ảnh hưởng, hiệu quả áp dụng:

8. Kết quả chấm điểm, đánh giá xếp loại đề tài:

- Tổng số điểm đạt được: trong đó, số điểm tiêu chí 1:

- Đề tài xếp loại: Xuất sắc/Tốt/Khá/Trung bình/Không đạt.

9. Hội đồng đề nghị Giám đốc Sở Y tế xem xét, công nhận/không công nhận phạm vi ảnh hưởng và hiệu quả áp dụng của đề tài.

10. Kiến nghị khác (nếu có):

THƯ KÝ HỘI ĐỒNG
(Họ, tên và chữ ký)

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG
(Họ, tên và chữ ký)